

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2013/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 13 tháng 12 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 142/2008/NQ-HĐND, ngày 22/7/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ BẢY

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 88/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã;

Căn cứ Thông tư số 66/2006/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 88/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ; Thông tư số 173/2012/TT-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 66/2006/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2006 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định nội dung, mức chi xây dựng chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

Căn cứ Nghị quyết số 142/2008/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh;

Sau khi xem xét Tờ trình số 4927/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 142/2008/NQ-HĐND, ngày 22 tháng 7 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và thảo luận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Khoản I; Điểm 1, Điểm 3, Khoản II, Điều 1 Nghị quyết số 142/2008/NQ-HĐND ngày 22/7/2008 của HĐND tỉnh về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh, như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH

Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi là Hợp tác xã) đang hoạt động sản xuất kinh doanh trên tất cả các lĩnh vực đăng ký hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 1996 và đăng ký bổ sung Điều lệ, thực hiện theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2003; Hợp tác xã thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2003, Luật Hợp tác xã năm 2012 hoạt động trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Điểm 1, Khoản II, Điều 1 được sửa đổi, bổ sung, như sau: “1. Hỗ trợ khuyến khích thành lập Hợp tác xã và xây dựng mới trụ sở Hợp tác xã

1.1. Hỗ trợ khuyến khích thành lập Hợp tác xã

a. Đối tượng áp dụng

Đối tượng được hỗ trợ là các cơ quan, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ các sáng lập viên của các hợp tác xã chuẩn bị thành lập, đại diện các hợp tác xã đăng ký hoạt động theo qui định của Luật Hợp tác xã năm 2003 và Luật Hợp tác xã năm 2012.

b. Mức hỗ trợ

Ngân sách tỉnh hỗ trợ cho việc thành lập mới Hợp tác xã (đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký): Mức hỗ trợ không quá 12 triệu đồng/Hợp tác xã thuộc địa bàn các xã khu vực III theo quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 của Ủy ban Dân Tộc và xã an toàn khu; không quá 10 triệu đồng/Hợp tác xã đối với các Hợp tác xã ở các địa bàn còn lại.

c. Nội dung, mức chi

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
1	Chi tổ chức các lớp hướng dẫn tập trung (thời gian không quá 5 ngày) bao gồm:			Một buổi giảng được tính bằng 4 giờ làm việc

1.1	Thù lao giảng viên, báo cáo viên, phụ cấp tiền ăn, tiền phương tiện đi lại, thuê phòng nghỉ cho giảng viên			
<i>a</i>	<i>Thù lao giảng viên, báo cáo viên</i>			Tính bằng 70% mức quy định tại Thông tư 139/2010/TT-BTC
-	Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Trung ương Đảng; Bộ trưởng, Bí thư tỉnh uỷ và các chức danh tương đương	Đồng/người/ buổi	700.000	
-	Giảng viên, báo cáo viên là Thứ trưởng, Chủ tịch HĐND, chủ tịch UBND tỉnh, Phó Bí thư Tỉnh uỷ và các chức danh tương đương; Giáo sư; chuyên gia cao cấp; Tiến sỹ khoa học	Đồng/người/ buổi	560.000	
-	Giảng viên, báo cáo viên là cấp Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng, Viện trưởng, Phó Viện trưởng, Cục trưởng, Phó Cục trưởng và các chức danh tương đương; Phó Giáo sư; Tiến sỹ; giảng viên chính	Đồng/người/ buổi	420.000	
-	Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị ở trung ương và đơn vị cấp tỉnh (ngoài 3 đối tượng nêu trên):	Đồng/người/ buổi	350.000	
-	Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị từ cấp huyện và tương đương trở xuống:	Đồng/người/ buổi	210.000	
<i>b</i>	<i>Chi phí đi lại, ăn, ở cho giảng viên:</i>			
-	Chi phí đi lại			Thực hiện theo Thông tư 97/2010/TT-BTC
-	Chi tiền ăn (phụ cấp lưu trú), tiền ở cho giảng viên	Đồng/người/ ngày		Áp dụng bằng 70% mức chi tối đa tại Thông tư 97/2010/TT-BTC
1.2	Chi nước uống cho học viên	Đồng/người/ ngày	7.000	
1.3	Chi phí khác trực tiếp liên quan đến tổ chức lớp			Theo hóa đơn, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ
2	Chi tư vấn trực tiếp			
2.1	Đối với hướng dẫn viên, cộng tác viên không phải là cán bộ công chức			
-	Chi thù lao	Đồng/1 giờ	10.000	Hướng dẫn trực tiếp
-	Hỗ trợ chi phí đi lại:			
+	Trường hợp tư vấn đi, về trong ngày	Đồng/ ngày	10.000	
+	Trường hợp địa điểm tư vấn cách xa nơi ở không đi và về được trong ngày			Áp dụng bằng 70% mức chi tối đa tại Thông tư 97/2010/ TT-BTC

2.2	Đối với cán bộ công chức nhà nước được cơ quan cử thực hiện nhiệm vụ tư vấn	Đồng/1 buổi	50.000	01 buổi tính bằng 4 giờ làm việc
-----	---	-------------	--------	----------------------------------

1.2. Hỗ trợ xây dựng mới trụ sở Hợp tác xã

Ngân sách tỉnh hỗ trợ một phần kinh phí để xây dựng mới trụ sở Hợp tác xã sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp: Mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/trụ sở Hợp tác xã thuộc địa bàn các xã khu vực III theo quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 của Ủy ban Dân Tộc và xã an toàn khu; không quá 50 triệu đồng /trụ sở Hợp tác xã thuộc địa bàn các xã còn lại.

2. Điểm 3, Khoản II, Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau: "3. Bồi dưỡng, đào tạo"

a. Đối tượng áp dụng

Các chức danh trong Ban Quản trị, Ban Chủ nhiệm, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng của Hợp tác xã được quy định tại điểm a, khoản 1 mục III Thông tư số 66/2006/TT-BTC ngày 17/7/2006 của Bộ Tài chính và các chức danh theo Luật Hợp tác xã năm 2012.

b. Mức hỗ trợ

- Hỗ trợ cho các chức danh hợp tác xã:

+ Đối với các khóa học hoặc tập huấn ngắn hạn: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% kinh phí để: mua giáo trình, tài liệu trực tiếp phục vụ chương trình khóa học (không bao gồm tài liệu tham khảo); tiền vé tàu, xe đi và về (bao gồm cả vé đò, vé phà nếu có) bằng phương tiện giao thông công cộng (trừ máy bay) từ trụ sở hợp tác xã đến cơ sở đào tạo;

+ Đối với các khóa đào tạo dài hạn (từ trung cấp trở lên) được ngân sách tỉnh hỗ trợ 80% học phí do cơ sở đào tạo quy định đối với học viên thuộc địa bàn các xã khu vực III theo quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 của Ủy ban Dân Tộc và xã an toàn khu; 50% học phí đối với các học viên thuộc địa bàn các xã còn lại.

- Hỗ trợ chi phí cho cơ quan tổ chức lớp học: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% kinh phí để: Thuê giảng viên, hội trường, trang thiết bị phục vụ giảng dạy, văn phòng phẩm, nước uống cho học viên, in chứng chỉ, giấy chứng nhận khóa học.

c. Nội dung, mức chi

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
1	Hỗ trợ cho các chức danh Hợp tác xã:			
1.1	Hỗ trợ tiền vé tàu, xe đi và về cho học viên (bao gồm vé đò nếu có) bằng phương tiện giao thông công cộng (trừ máy bay) từ trụ sở Hợp tác xã đến cơ sở đào tạo	Đồng/km		Tính theo giá vé của phương tiện giao thông công cộng
1.2	Hỗ trợ mua giáo trình, tài liệu trực tiếp phục vụ chương trình khóa học (không bao gồm tài liệu tham khảo)	Đồng	Theo thông báo của cơ sở đào tạo	Có chứng từ thu tiền theo quy định hiện hành
2	Hỗ trợ chi phí cho cơ quan tổ chức lớp học			
2.1	Tiền thuê hội trường, phòng học (nếu có); Chi in chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa học, văn phòng phẩm, thuê phương tiện, trang thiết bị phục vụ giảng dạy.	Đồng	Mức chi thực tế	Có hóa đơn, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ.
2.2	Chi nước uống cho học viên	Đồng/người/ngày	7.000	
2.3	Thù lao giảng viên, báo cáo viên, phụ cấp tiền ăn, tiền phương tiện đi lại, thuê phòng nghỉ cho giảng viên			Thực hiện theo quy định tại Điểm c, Mục 1.1, Khoản 1, Điều 1 nêu trên
2.4	Chi tổ chức tham quan, khảo sát thuộc chương trình khóa học (được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong chương trình khóa học).		Mức chi thực tế	Cơ sở đào tạo được chi trả tiền thuê xe và các chi phí liên hệ để tổ chức thăm quan, khảo sát cho học viên; có chứng từ, hóa đơn theo quy định hiện hành
2.5	Biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy và học tập		Áp dụng bằng 70% mức chi tại Thông tư 123/2009/TT-BTC	
2.6	Đối với đối tượng là các chức danh thuộc HTX nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, và hoạt động dịch vụ có liên quan theo Quyết định số 337/QĐ-BKH ngày 10/4/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.		Ngoài mức được hỗ trợ theo quy định còn được hỗ trợ thêm 50% chi phí ăn, ở theo thực tế nơi tổ chức đào tạo	Không vượt mức quy định tại Thông tư 139/2010/TT-BTC và Thông tư 97/2010/TT-BTC

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 142/2008/NQ-HĐND ngày 22/7/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

- Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ khóa XVII, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2013/.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Các Bộ: Tài chính, KHĐT, NNPTNT;
- Bộ Tư lệnh Quân khu 2;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- VKSND, TAND tỉnh;
- Các đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Hoàng Dân Mạc